

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-02-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hào

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông N quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An ngày 05/12/2008. Vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do ông N không lo làm ăn mà sa đà vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, đá gà và có hành vi bạo lực với bà. Từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã bất đồng quan điểm. Cha mẹ ông N cũng có khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng hiện đã sống ly thân và không còn tình cảm. Bà T và ông N chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2009 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 12/8/2011, hiện hai bé đang sống cùng bà T.

Nay bà T không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N; Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà T.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của bà T và ông N cũng cung cấp thông tin có nội dung như bà T trình bày về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung và mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, chủ yếu do ông N sa đà vào tệ nạn cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, về việc ông N có hành vi bạo lực với bà T hay không thì địa phương không nắm do không có ai trình báo. Về điều kiện kinh tế thì ông N làm nghề tài xế lái xe, cũng có thu nhập, bà T buôn bán cũng có nguồn thu nhập thường xuyên, ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 05/12/2008 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình. Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông N hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa ông N và bà T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N không lo làm ăn hay cờ bạc, bà T đã can ngăn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã thật sự trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Thanh T.

Về con chung: Bà T và ông N có hai con chung hiện sống chung với bà T, bà T yêu cầu được nuôi con, nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống với mẹ nên đề nghị giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 05/12/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngay từ khi về chung sống, đến năm 2023 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông N sống không có trách nhiệm, sa đà vào tệ nạn cờ bạc dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm nên khả năng hàn gắn không còn.

[2.3] Phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến để làm việc và cũng không thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết thể hiện sự không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

[2.4] Kết quả xác minh của Tòa án cũng có nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ

chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Xét thấy hai con chung của bà T và ông N hiện đang sống chung với bà T, cả hai đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, bà T cũng yêu cầu được nuôi con, ông N cũng không thể hiện ý kiến về việc có tranh chấp nên để đảm bảo môi trường sống ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Do bà T cũng có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con và bà cũng không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2009 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 12/8/2011 cho bà Bùi Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị Thanh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002355 ngày 13/11/2023 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh